CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Ngày 28/06/2024	1,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.0%	**-**	**0%**

DT thuần
Q2/24
2.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.26| 11.4%
YoY: ▼24.1| -90.5%

LN thuần
Q2/24
-6.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.56| -64.8%
YoY: ▼2.82| -76.4%

LN sau thuế
Q2/24
-6.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.85| -77.9%
YoY: ▲ 2.58| 28.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
-178%
YoY: +/-▼ 83.0%

ROE (TTM)
Q2/24
-15.9%
YoY: +/-▲ 1.2%

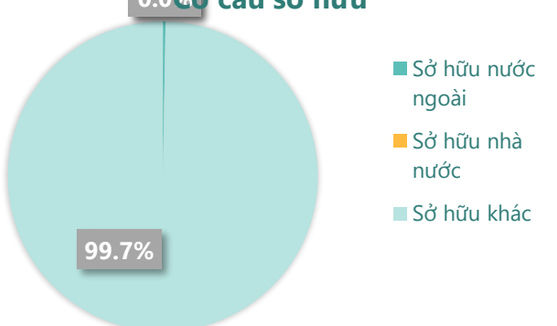
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,800 - 3,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30
Số lượng CPLH (CP)	16,007,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120,025
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	2.36
EPS	-1,053
P/E	-1.8

DT thuần
6T 2024
4.80
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.4| -83.0%

LN thuần
6T 2024
-10.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.81| -36.0%

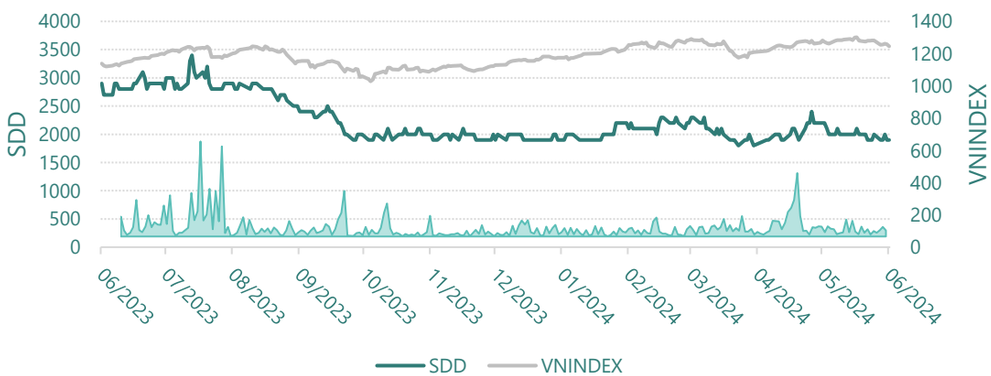
LN sau thuế
6T 2024
-10.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.90| 22.3%

Cơ cấu sở hữu

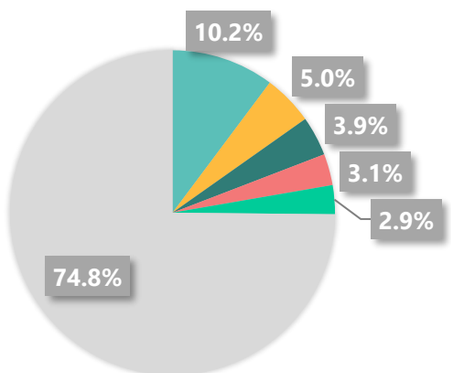


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

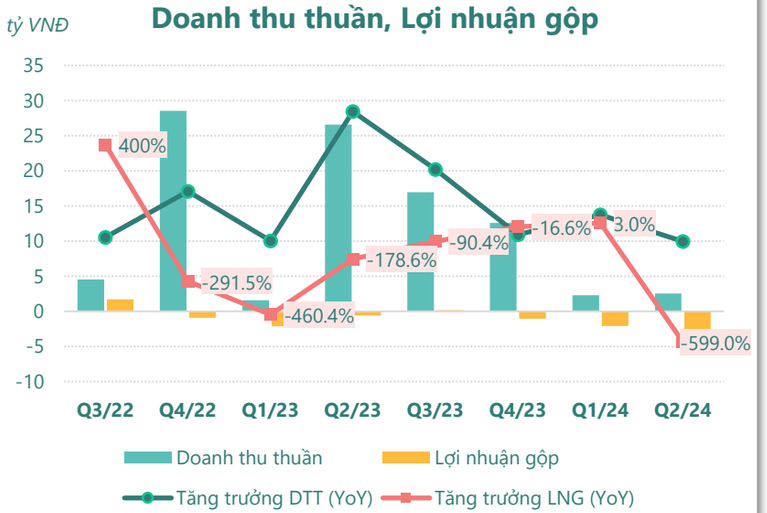


- Bùi Kim Thanh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Tuấn Anh
- Nguyễn Thanh Mai
- Lê Trần Vi Thảo
- Nguyễn Gia Đức
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

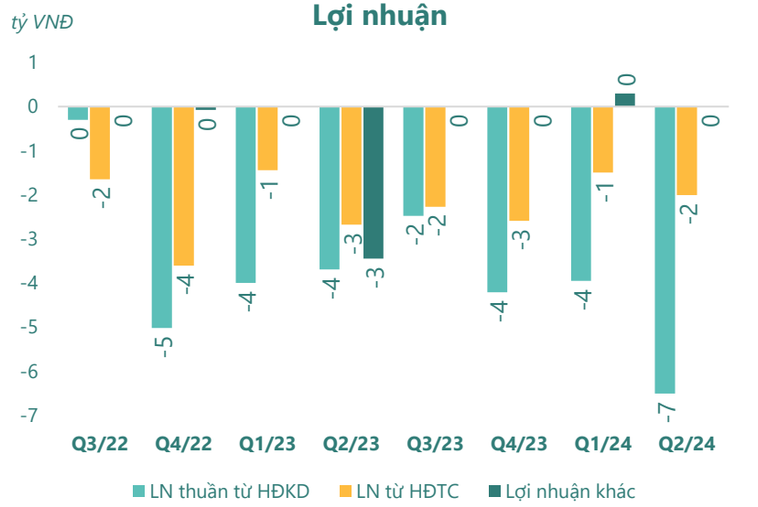
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



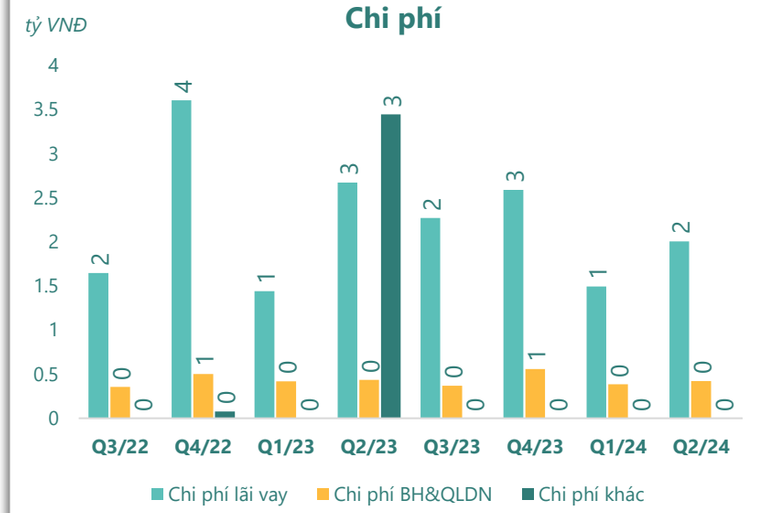
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



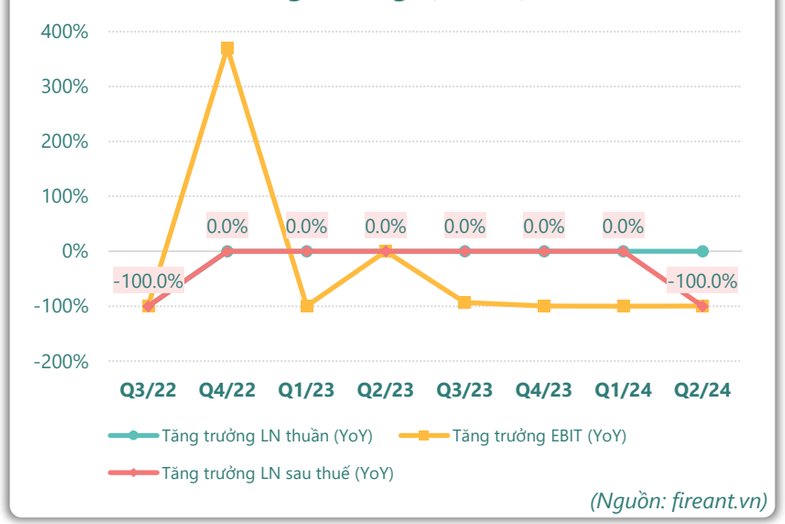
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



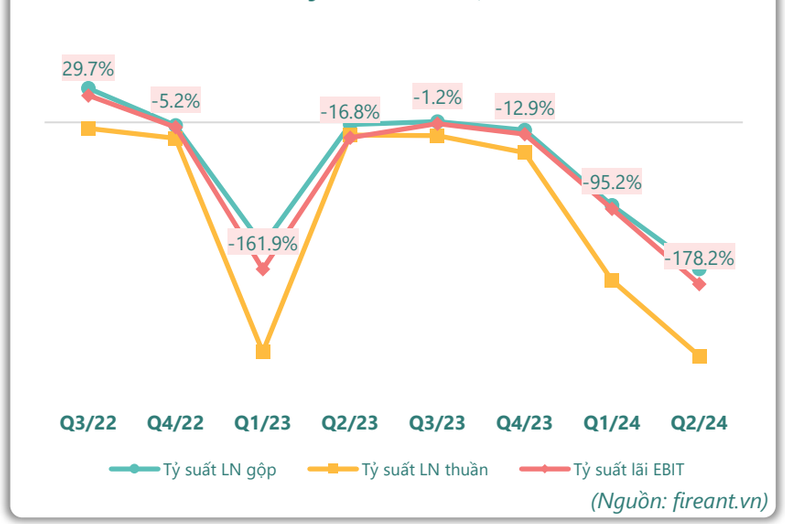
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



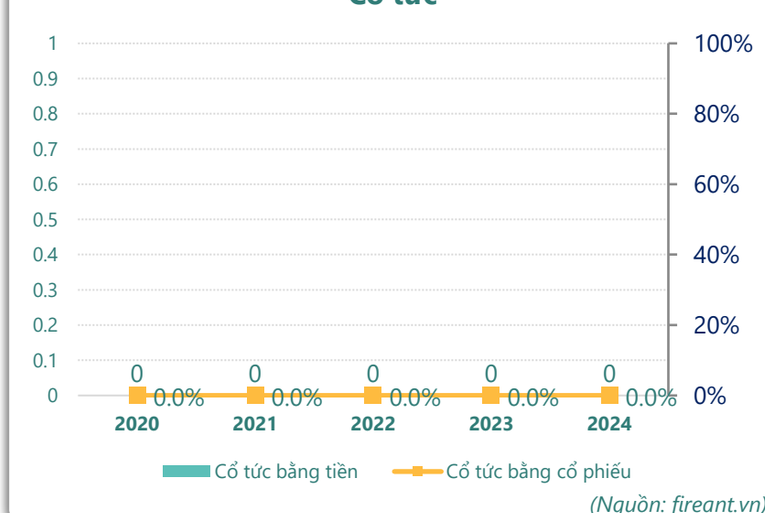
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

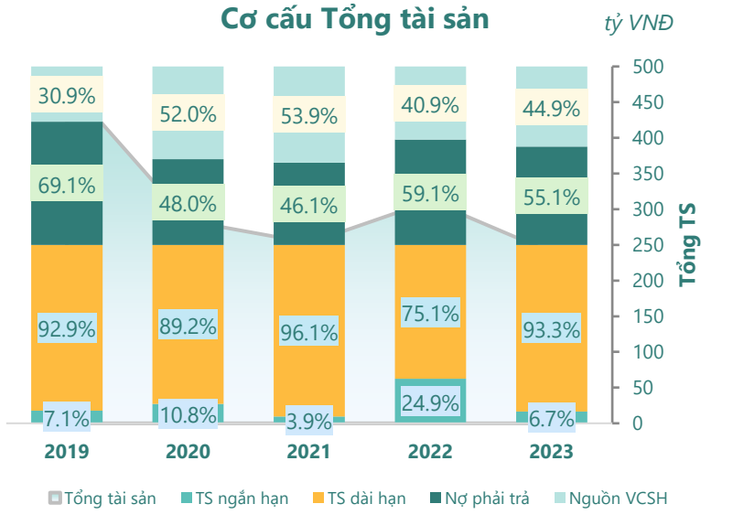
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

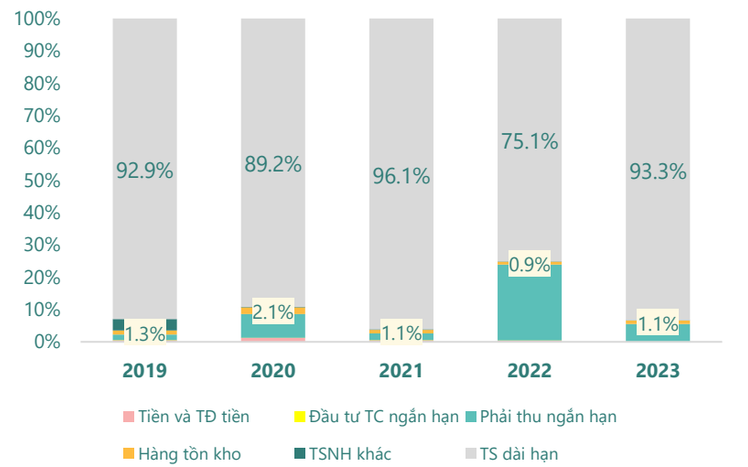
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



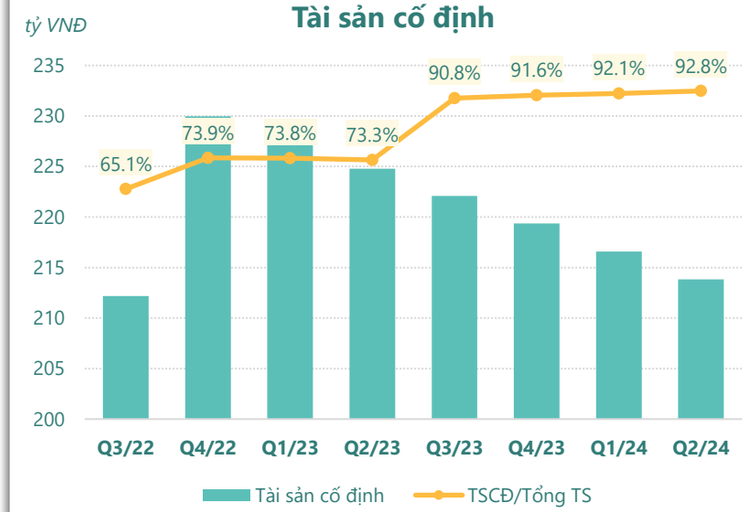
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



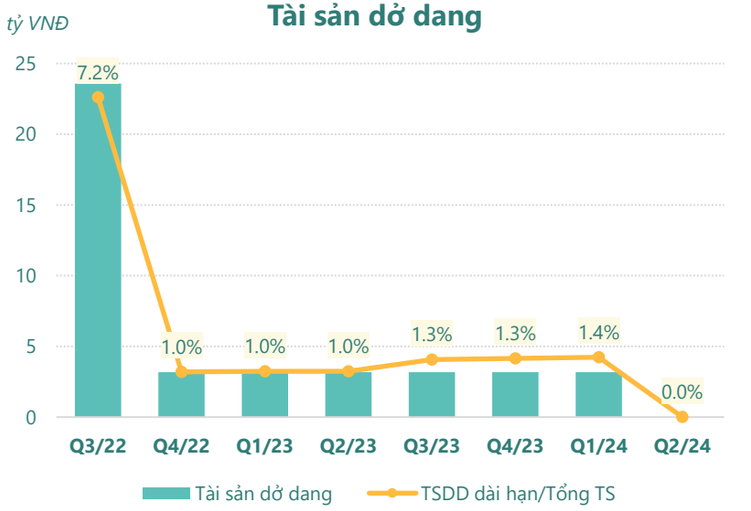
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



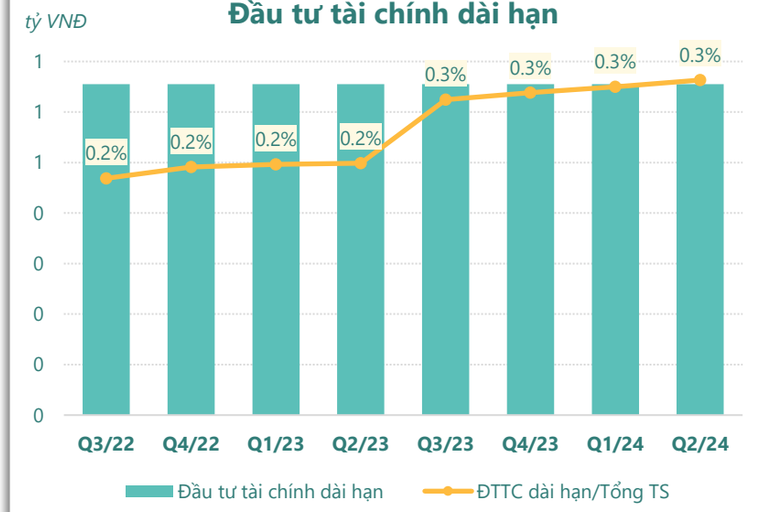
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



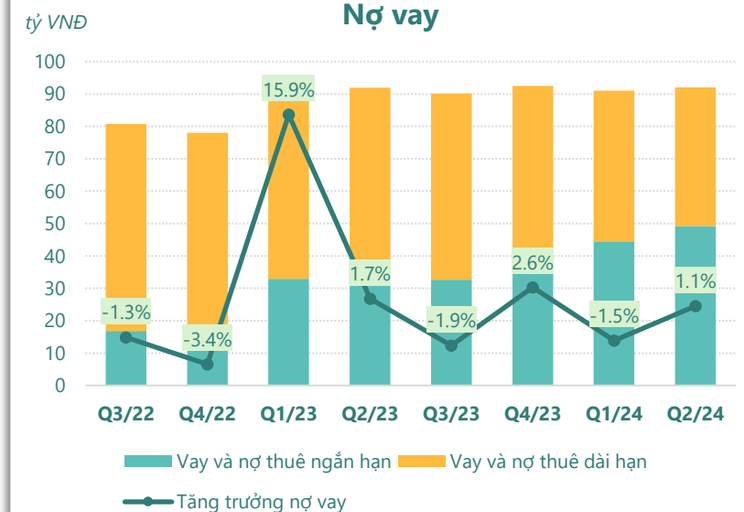
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

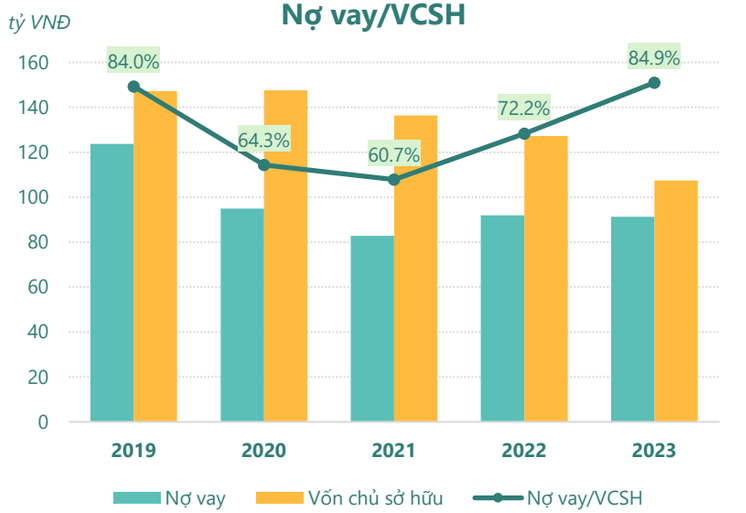
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

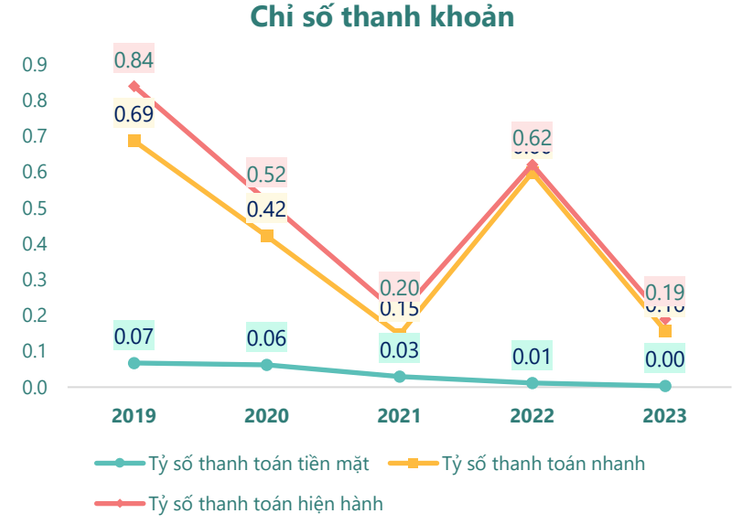
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



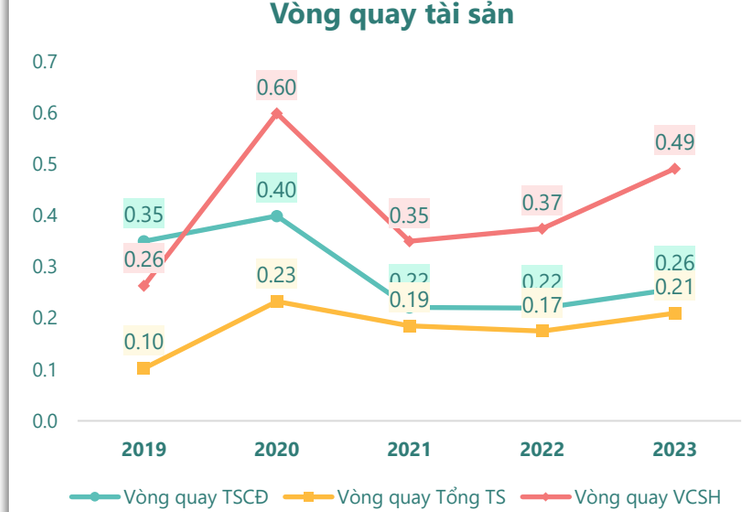
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



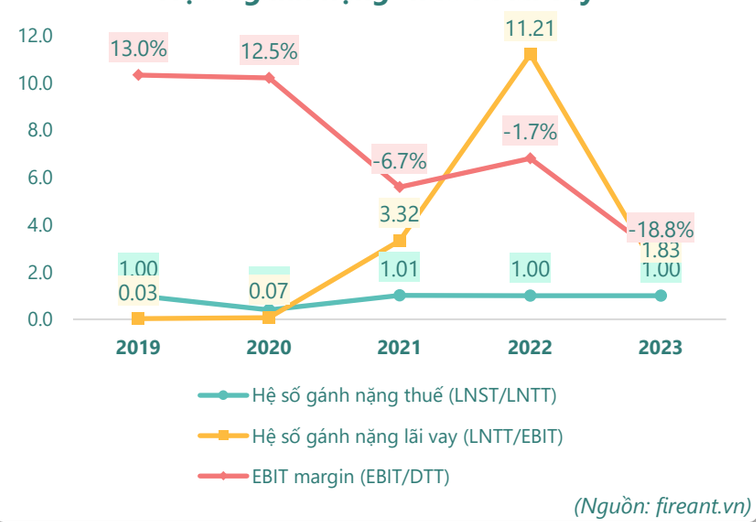
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



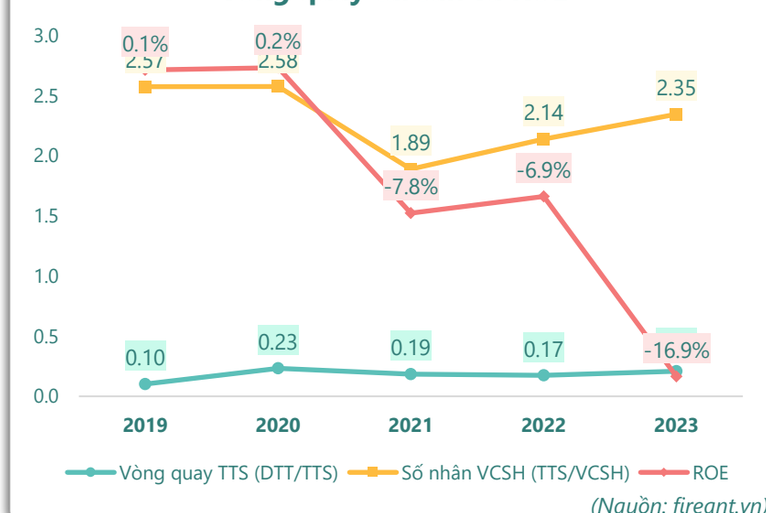
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



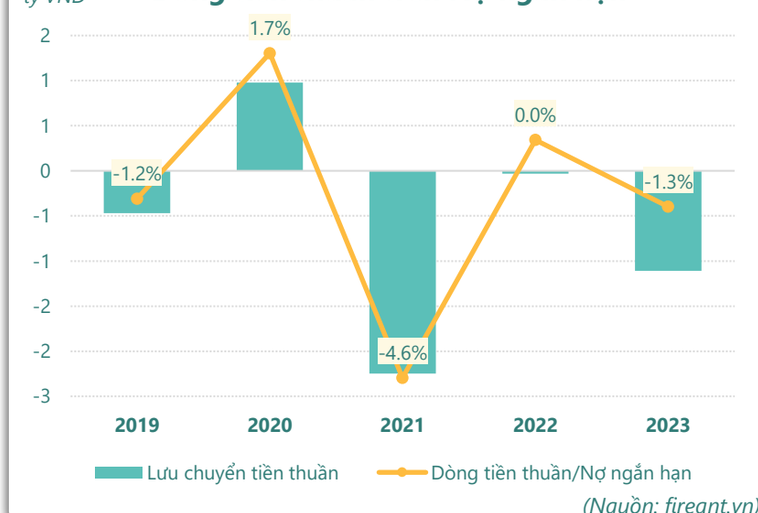
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.53**	**26.6**	**-90.5%**	**4.80**	**28.2**	**-83.0%**
Giá vốn hàng bán	6.61	27.2	-75.7%	11.0	30.9	-64.5%
Lợi nhuận gộp	-4.08	-0.58	-604%	-6.16	-2.72	-126%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-70.6%
Chi phí TC	2.01	2.67	-24.9%	3.50	4.12	-15.0%
Chi phí lãi vay	2.01	2.67	-24.9%	3.50	4.12	-15.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.42**	**0.43**	**-1.4%**	**0.81**	**0.85**	**-5.2%**
LN thuần từ HĐKD	-6.51	-3.69	-76.4%	-10.5	-7.69	-36.0%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-3.45**	**99.9%**	**0.29**	**-3.45**	**109%**
LN trước thuế	-6.51	-7.14	8.8%	-10.2	-11.1	8.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-6.51**	**-9.09**	**28.4%**	**-10.2**	**-13.1**	**22.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-6.51**	**-9.09**	**28.4%**	**-10.2**	**-13.1**	**22.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.69	0.03	0.07	0.12	0.03	-1.05
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.30	0.00	0.30	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-0.25	-0.38	-0.26	1.02
Tiền đầu kỳ	1.40	0.71	0.44	0.25	0.29	0.07
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.69**	**-0.27**	**-0.18**	**0.04**	**-0.23**	**-0.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.71	0.44	0.25	0.30	0.07	0.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**230**	**239**	**-3.7%**
Tài sản ngắn hạn	15.7	15.9	-1.5%
Tiền và tương đương tiền	0.03	0.29	-88.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	15.6	12.9	21.3%
Hàng tồn kho	0	2.71	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.05	-23.1%
Tài sản dài hạn	**215**	**223**	**-3.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	214	219	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	3.18	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.66	0.66	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.27**	**0.33**	**-18.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	133	132	0.9%
Nợ ngắn hạn	**90.2**	**83.9**	**7.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.2	44.8	9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.3	24.9	-6.5%
Nợ dài hạn	42.9	48.0	-10.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	42.9	46.5	-7.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**97.3**	**107**	**-9.5%**
Vốn chủ sở hữu	**97.3**	**107**	**-9.5%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)